|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ảnh - photo 2x3 cm See notes (2) |  | **Mẫu (Form)NA8** Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 |
|  | |

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)**  
*INFORMATION FORM FOR A TEMPORARY RESIDENT CARD*  
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam  
*For temporary residence foreigners in Viet Nam*

1- Họ tên (chữ in hoa): ....................................................................................................

*Full name* *(in Capital letters)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 2- Giới tính: | Nam ... | Nữ ... | 3- Sinh ngày …. tháng …. năm…………… |
| *Sex* | *Male* | *Female* | *Date of birth (Day, Month, Year)* |

4- Quốc tịch gốc:……………………………….. 5- Quốc tịch hiện nay:..................................

*Nationality at birth                                             Current nationality:*

6- Nghề nghiệp/chức vụ:…………………………………

*Occupation/ position*

7- Hộ chiếu số ........................................... Loại: Phổ thông...   Công vụ...   Ngoại giao...

*Passport Number*                                           *Type* *Ordinary*          *Official*         *Diplomatic*

Cơ quan cấp:...........................................................                Có giá trị đến ngày …/.../ …

*Issuing authority*                                                  *Expiry date (Day, Month, Year)*

8- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam

*Your residential and business address before coming to Viet Nam*

- Địa chỉ cư trú *Residential address*: ..............................................................................

- Nơi làm việc *Business address* ...................................................................................

9- Nhập cảnh Việt Nam ngày: …/ …/ ……….                        qua cửa khẩu: ........................

*Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year)*     *via entry port*

Mục đích nhập cảnh: (3)...................................................................................................

*Purpose of entry*

10- Được phép tạm trú đến ngày:…../…../……

*Permitted to remain until (Day, Month, Year)*

- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:...........................................................................................

*Temporary residential address in Viet Nam*

- Điện thoại liên hệ/Email: ................................................................................................

*Contact telephone number/Email*

11. Nội dung đề nghị *Request*s:

- Cấp thẻ tạm trú có giá trị đến ngày …/… /….

*To issue a Temporary Resident Card valid until (Day, Month, Year)*

- Lý do *Reason(s):* (4) ………………………………………………………………………….

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

*I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại:……………ngày…..tháng….năm …… *Done at                 date (Day, Month, Year)*  **Người đề nghị (**ký, ghi rõ họ tên) *The applicant ’s signature and* *full name* |

**Ghi chú** *Notes:*

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu và công văn bảo lãnh của cơ quan, tổ chức hoặc đơn bảo lãnh của thân nhân; nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại Giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú ký hiệu NG3).

*Submit in person one completed application form enclosed with passport and the sponsoring application by the hosting organisation/family relative at the Immigration Office or at the competent authority of the Ministry of Foreign Affairs (for those who are eligible* *for the Temporary Resident Card categorised as NG3)*

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính mầu (01 ảnh dán vào tờ khai và 01 ảnh để rời)

*Enclose 02 recently-taken photos in 2x3 cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).*

(3) Ghi rõ vào làm việc gì ở Việt Nam hoặc thăm người thân.

*Specify business purpose in Vietnam or family visit purpose.*

(4) Ghi rõ lý do: làm việc, lao động, đầu tư, học tập hoặc thăm người thân và kèm theo giấy tờ chứng minh

*Specify the reasons whether it is business, labour, investment, study or family visit and enclose supporting documents.*